

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14-3-2025
V/v: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tường Duy Bình, bà Nguyễn Thị Hiền.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Văn Yên - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn Latham gia phiên tòa:** Bà Lý Hoàng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 về việc: Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lữ Thị T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (*Nay là Tổ dân phố C, phường C, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La*). Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đàm Văn V, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tiểu khu C, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (*Nay là Tổ dân phố C, phường C, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La*). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2024, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Lữ Thị T bày:

Chị Lữ Thị T và anh Đàm Văn V đăng ký kết hôn với nhau ngày 15 tháng 6 năm 2015, khi kết hôn đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu (*Nay là phường Thảo Nguyên, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La*).

Sau khi kết hôn vợ chồng ở cùng bố mẹ chồng một thời gian, sau đó ra ở riêng tại tiểu khu Cờ Đỏ, thị trấn Nông Trường Mộc Châu (*Nay là Tổ dân phố Cờ Đỏ, phường Cờ Đỏ*), cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu

thuần, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, anh V nắm về kinh tế không đưa cho chị để cùng nhau xây dựng gia đình, anh V đã nhiều lần hứa thay đổi tuy nhiên không có chuyển biến và có hành vi bạo hành gây tổn thương cho chị T về tinh thần và thể xác, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy hôn nhân không thể kéo dài, không thể chung sống nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đàm Văn V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 01 con: cháu Đàm Đức H, sinh ngày 22/7/2016. Khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, hiện nay chị làm tại Công ty Chè Cờ Đỏ Mộc Châu thu nhập bình quân là 15.730.000 đồng/tháng, ngoài ra chị còn đầu tư dự án (Cây Bạch Trà) đang trong giai đoạn phát triển nên đảm bảo việc nuôi con, chị không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T không kê khai, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bản tự khai và trong quá trình xét xử anh Đàm Văn V trình bày:

Anh Đàm Văn V và chị Lữ Thị T đăng ký kết hôn với nhau ngày 15 tháng 6 năm 2015, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu (*Nay là phường Thảo Nguyên, thị xã Mộc Châu*), tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng bố mẹ một thời gian, sau đó ra ở riêng, cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2019 anh phát hiện chị T có quan hệ bất chính đối với người đàn ông khác, anh đã KH và nhắc nhở để chị T sửa chữa khuyết điểm, đến đầu năm 2022 chị T lại tiếp tục có quan hệ bất chính với người đàn ông tên là Đ (làm tại Công ty Chè Cờ Đỏ). Đến ngày 29/10/2024 anh thấy chị T ngồi sau xe máy ôm anh Điệp nên anh có chửi hai người, anh Điệp đã có dùng tay đánh làm anh bị thương, sau sự việc đó thì chị T dọn ra ngoài ở tại nhà nghỉ Trung Anh (tại tiểu khu Chè Đen) và anh Điệp thường xuyên đến đưa chị T và con anh là cháu Đàm Đức H đi ăn. Tuy nhiên anh vẫn có thể tha thứ cho chị T để quay về đoàn tụ gia đình cùng nuôi dạy con chung, nên việc chị T làm đơn ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung: cháu Đàm Đức H, sinh ngày 22/7/2016. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành, anh đảm bảo việc nuôi con như có nhà riêng và thu nhập ổn định từ nguồn thu nhập chính là trồng cây ăn quả và lao động tự do bình quân mỗi năm khoảng 400.000.000 đồng, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh không kê khai, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Lữ Thị T được ly hôn với anh Đàm Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Đàm Đức H, sinh ngày 22/7/2016 cho chị Lữ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Đàm Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T, do chị T chưa yêu cầu.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh chị đều thừa nhận không có tài sản chung, nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lữ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Chị Lữ Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đàm Văn V có địa chỉ tại huyện Mộc Châu (*Nay là thị xã Mộc Châu*), vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu (*nay là TAND thị xã Mộc Châu*), tỉnh Sơn La.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Nông Trường Mộc Châu (*Nay là phường Thảo Nguyên*), có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị T và anh V là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, quá trình xác minh và tại phiên tòa cho thấy nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là do tính cách, quan điểm sống

không hợp nhau, anh V có hành vi bạo hành gây tổn thương cho chị T về tinh thần và thể xác; anh V còn cho rằng chị T sống không chung thủy, mâu thuẫn của vợ chồng đã được hoà giải nhưng không đạt kết quả, chị T cùng con trai phải dọn ra ở riêng từ tháng 11/2024 và sống ly thân với anh V từ đó đến nay, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét thấy mâu thuẫn của chị T và anh V đã thực sự trầm trọng, đời sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, do đó chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lữ Thị T và xử cho chị Lữ Thị T được ly hôn với anh Đàm Văn V.

[3] Về con chung: Chị T và anh V có một con chung là cháu Đàm Đức H, sinh ngày 22/7/2016. Hai anh chị đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Đàm Đức H và không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét về điều kiện chăm sóc con chung của chị T, anh V: Chị T hiện làm việc tại Công ty Chè Cờ Đỏ thu nhập bình quân 15.700.000 đồng/ tháng, ngoài ra chị còn có dự án (Cây Bạch Trà) đang trong giai đoạn phát triển; anh V thu nhập chính dựa vào trồng cây ăn quả và lao động tự do, anh có nhà riêng và thu nhập là khoảng 400.000.000đ/năm, tuy nhiên, mức thu nhập không ổn định, mặt khác công việc bận rộn, khó có khả năng chăm sóc tốt cho cháu nhỏ, quá trình chung sống chị T là người thường xuyên chăm sóc cháu H, khi anh chị sống ly thân chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu; cháu H đã trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với chị T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cũng như chăm lo việc học tập, giáo dục để cháu phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, cần chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của chị T, giao cháu Đàm Đức H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung cho anh Đàm Văn V, do chị T chưa có yêu cầu. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung sau ly hôn.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hai anh chị đều thừa nhận không có tài sản chung và nợ chung, không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lữ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Lữ Thị T được ly hôn với anh Đàm Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Đàm Đức H, sinh ngày 22/7/2016 cho chị Lữ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18

tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Đàm Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T, do chị T chưa yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lữ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002250 ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Chị Lữ Thị T và anh Đàm Văn V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 14/3/2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND thị xã Mộc Châu;
- Chi cục THADS thị xã Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đào Ngọc Hà